

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Khu vực 1, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4320/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 4607/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 2767^a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 05 hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu vực 1, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/05/2023 của UBND tỉnh ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể (tái định cư và theo thị trường) để tính tiền sử dụng đất tại Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước để bố trí tái định

cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1264/TTr-STNMT ngày 21/10/2024 và đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Văn bản số 138/TTr-HĐBT ngày 04/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Khu vực 1, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, với nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Trương Văn Trâm, vợ Đào Thị Tim và chi phí phục vụ công tác GPMB tương ứng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2767a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh; tổng giá trị điều chỉnh giảm là 161.354.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

2. Tổng giá trị bồi thường bổ sung và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là 6.487.000 đồng. Trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 6.360.000 đồng;

- Chi phí phục vụ công tác GPMB 2%: 127.000 đồng.

- Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.

(Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo).

3. Về việc bố trí tái định cư

- Thu hồi 02 lô đất tái định cư (lô số 11d, diện tích 300m² và lô số 12d, diện tích 300m²) thuộc Khu ODT-LK04, đường ĐS4, lộ giới 14m, Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước đã giao cho hộ bà Trần Thị Rơi được phê duyệt tại Quyết định số 2767a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Giao lại cho hộ bà Trần Thị Rơi 02 lô đất tái định cư (lô đất số 2d - Khu ODT-LK06, đường ĐS2, lộ giới 14m và lô đất số 10d - Khu ODT-LK04, đường ĐS3, lộ giới 14m) thuộc Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước; tổng diện tích được giao là 600m². Tổng tiền sử dụng đất phải nộp là 3.000.000.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 3 và Phụ lục 4 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2767a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 4

BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO 01 HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB

Dự án: Khu vực 1, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| Hộ gia đình | Địa chỉ | Số thửa | Tờ BĐ | Diện tích thu hồi (m ²) | Diện tích đất ở thu hồi (m ²) | Diện tích đất vườn thu hồi (m ²) | Lô đất tái định cư được giao | | | | Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²) | Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²) | Diện tích giao đất TĐC vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²) | Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²) | Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng) |
|--------------------|-----------------------------|---------|-------|-------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------|----------|-----------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| | | | | | | | Lô số | Khu | Đường (lộ giới) | Diện tích (m ²) | | | | | |
| (a) | (b) | (c) | (d) | (c) | (d) | (e) | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9)=(5)x(6)+(7)x(8) |
| Trần Thị Rơi | Thôn Quang Hy, xã Phước Lộc | 128 | 1 | 1.353,0 | 600,0 | 753,0 | 2d | ODT-LK06 | ĐS2 (14m) | 350 | 350,00 | 5.000.000 | 0,00 | 7.500.000 | 1.750.000.000 |
| | | | | | | | 10d | ODT-LK04 | ĐS3 (14m) | 250 | 250,00 | 5.000.000 | 0,00 | 7.500.000 | 1.250.000.000 |
| Tổng cộng: (A)+(B) | | | | | | | | | | 600,0 | 600,0 | | | | 3.000.000.000 |

PHỤ LỤC 3
THU HỒI LÔ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ GIAO CHO 01 HỘ GIA ĐÌNH DO GPMB
DỰ ÁN: KHU VỰC 1, KHU DÂN CƯ ĐỌC QUỐC LỘ 19 MỚI, XÃ PHƯỚC LỘC, HUYỆN TUY PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Hộ gia đình, cá nhân | Địa chỉ | Thu hồi lô đất tái định cư đã giao được phê duyệt tại Quyết định số 2767a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh | | | | Ghi chú | |
|------------------|----------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | Lô đất | Diện tích (m ²) | Đơn giá đất cụ thể khu TĐC | Đơn giá đất ở sát giá thị trường | | Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp |
| 1 | Trần Thị Rơi | thôn Quang Hy | Lô số 11d-Khu ODT-LK04, Đường ĐS3, lộ giới 14m | 300,0 | 5.000.000 | 7.500.000 | 1.500.000.000 | Số ưu tự 1 trong phụ lục 4 kèm theo Quyết định số 2767a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh |
| | | | Lô số 12d-Khu ODT-LK04, Đường ĐS3, lộ giới 14m | 300,0 | 5.000.000 | 7.500.000 | 1.500.000.000 | |
| Tổng cộng | | | | 600,0 | | 3.000.000.000 | | |

PHỤ LỤC 2

BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ VẬT KIẾN TRÚC DO GPMB

Dự án: Khu vực 1, Khu dân cư dọc QL19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Hộ gia đình | Địa chỉ | Vật kiến trúc (đồng) | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Ghi chú |
|----------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1 | Phan Tấn Phùng | Thôn Vĩnh Hy | 6.360.250 | 6.360.000 | Tài sản là móng đá chẻ bảo vệ phần đất có các ngôi mộ của hộ |
| A | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ | | | 6.360.000 | |
| B | Chi phí phục vụ công tác GPMB: (A) x 2% | | | 127.000 | |
| C | Tổng cộng: (A)+(B) | | | 6.487.000 | |

PHỤ LỤC I

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 01 HỘ DO GPMB

Dự án: Khu vực 1, Khu dân cư dọc QL19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng.

| TT | Hộ gia đình | Địa chỉ | Diện tích đất bị thu hồi (m2) | Tổng giá trị BT, HT đã được phê duyệt tại Quyết định số 2767a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của CT UBND tỉnh | Giá trị đề nghị điều chỉnh giảm (đồng) | | | | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|---------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------|
| | | | | | Giá trị BT, HT về đất | Giá trị BT, HT về nhà cửa, vật kiến trúc | Các khoản hỗ trợ khác và thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB | Giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm | |
| (a) | (b) | (c) | (d) | (e) | (1) | (2) | (3) | (4)=(1)+(2)+(3) | (5) |
| 1 | Trương Văn Trầm, vợ Đào Thị Tim | Thôn Quang Hy | 228,6 | 844.133.705 | 76.141.500 | 64.048.500 | 18.000.000 | 158.190.000 | Số thứ tự 1 trong Phụ lục 2 kèm theo |
| A | Giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm | | | | | | 158.190.000 | | |
| B | Giảm chi phí phục vụ công tác GPMB: (A) x 2% | | | | | | 3.164.000 | | |
| C | Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (A) + (B) | | | | | | 161.354.000 | | |